TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2023/HS-ST Ngày 29-6-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Văn Tân

Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Đình L, sinh ngày 21/8/1964 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình C1 và bà Bùi Thị T1 (đều đã chết); có vợ là Bùi Thị T2, sinh năm 1967; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 35/HSST ngày 12/02/1988 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Phá hủy phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia. Bản án số 07/HSST ngày 10/4/2001 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bản án số 287/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bản án số 22/2008/HSST ngày 13/10/2008 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xử phạt 30

tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (các bản án trên đều đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Đức C, sinh ngày 01/02/1971 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 13/43 H1, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1938 và bà Hoàng Thị G, sinh năm 1944; có vợ là Đồng Thị T3, sinh năm 1983; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 1866 ngày 24/12/1994 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bản án số 28/HSST ngày 03/6/1996 của Tòa án nhân dân quận K1 xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, buộc bị cáo chấp hành bản án hình sự số 1866 ngày 24/12/1994 là 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thành 18 tháng tù; tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành là 36 tháng tù. Bản án số 77/HSST ngày 21/9/2000 của Tòa án nhân dân huyện A1 (nay là huyện A) xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bản án số 41/2005/HSPT ngày 30/3/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 60 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (các bản án trên đều đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Vũ Đình V (tên gọi khác Vũ Đình Sỹ), sinh ngày 06/7/1973 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình T4 (đã chết) và bà Đặng Thị D2, sinh năm 1938; có vợ là Vàng Thị D3, sinh năm 1994; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án 32/2008/HSST ngày 28/02/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội Cướp giật tài sản (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Vũ Huy H, sinh ngày 27/7/1983 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Tuấn Đ1 (đã chết) và bà Trương Thị B2, sinh năm 1948; có vợ là Bùi Thị Thanh H3, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/02/2023, tại nhà Hoàng Đình L ở thôn L, xã T, huyện K, có Nguyễn Đức C, Vũ Đình V, Vũ Huy H và Hoàng Đình L cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền. V lấy bộ bài có sẵn ở nhà L để cả nhóm đánh bạc, cách thức đánh bạc quy ước như sau: Mức chơi là 20.000 đồng, 40.000 đồng, 60.000 đồng tương ứng với số tiền mà người chơi về thứ hai, ba, tư phải trả cho người về nhất; người nào "cháy" phải trả cho người về nhất số tiền 100.000 đồng, người nào ù thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người ù số tiền 150.000 đồng. Trước khi đánh bạc L bỏ ra ngoài 50.000 đồng để mua thuốc nước phục vụ mọi người đánh bạc. Quá trình đánh bạc, L sử dụng 1.000.000 đồng, thua 550.000 đồng; V sử dụng 2.500.000 đồng, thua 600.000 đồng; H sử dụng 5.000.000 đồng, thua 2.400.000 đồng, C sử dụng 5.100.000 đồng, thắng 3.550.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là 13.600.000 đồng, bị thu giữ tại chiếu bạc. Trong thời gian các đối tượng đánh bạc không phải nộp tiền hồ, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Cả nhóm đánh bạc đến 16 giờ 15 phút cùng ngày thì bị công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 ví da, 02 giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ ngân hàng Vietcombank của Hoàng Đình L; 01 ví da, 01 thẻ căn cước công dân của Vũ Đình V; Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Còn lại số tiền 21.280.000 đồng (gồm 13.600.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 50.000 đồng thu giữ tại vị trí cạnh chiếu bạc, 7.300.000 đồng thu giữ của bị cáo V, 330.000 đồng thu giữ của bị cáo L) và 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSKT ngày 26/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Đức C mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Đình L mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Vũ Huy H mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Vũ Đình V mức án từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023 theo nguyên tắc cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo từ 5% - 10% để sung quỹ Nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo L, C, H từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 13.650.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân.

+ Trả lại cho bị cáo V số tiền 7.300.000 đồng, bị cáo L số tiền 330.000 đồng; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều đồng ý và không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 15 phút ngày 03/02/2023, tại nhà của Hoàng Đình L ở thôn L, xã T, huyện K; Nguyễn Đức C, Hoàng Đình L, Vũ Huy H và Vũ Đình V đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền với tổng số tiền là 13.600.000 đồng, bị bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Đức C, Hoàng Đình L, Vũ Huy H và Vũ Đình V đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Về đánh giá vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng thống nhất rủ nhau đánh bạc. Bị cáo C sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, bị cáo L đồng ý sử dụng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình để làm địa điểm cho cả nhóm đánh bạc; nên C và L có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo C, nên vai trò của H thấp hơn C. Bị cáo V sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn H, nên vai trò của V là thấp nhất trong vụ án.

[5] Về nhân thân:

[5.1] Bị cáo C từng 04 lần bị kết án tại Bản án số 1866 ngày 24/12/1994 của Tòa án nhân dân tối cao, Bản án số 28/HSST ngày 03/6/1996 của Tòa án nhân dân quận K1, Bản án số 77/HSST ngày 21/9/2000 của Tòa án nhân dân huyện A1 (nay là huyện A), Bản án số 41/2005/HSPT ngày 30/3/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. C đã chấp hành xong toàn bộ các bản án trên và đã được xóa án tích.

[5.2] Bị cáo L từng 04 lần bị kết án tại Bản án số 35 ngày 12/02/1988 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Bản án số 07/HSST ngày 10/4/2001 của Tòa án nhân dân huyện K, Bản án số 287/2007/HSST ngày 27/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương, Bản án số 22/2008/HSST ngày 13/10/2008 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng. L đã chấp hành xong toàn bộ các bản án trên và đã được xóa án tích.

[5.3] Bị cáo V từng bị kết án tại Bản án 32/2008/HSST ngày 28/02/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. V đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích.

[5.4] Bị cáo H: Không có.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo V có gia đình ông bà ngoại được tặng Bằng có công với nước. Bị cáo L có bố đẻ tham gia chống Mỹ cứu nước và là thương binh. Do đó, bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo V, L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt chính: Đây là vụ án đồng phạm, khi quyết định hình phạt Tòa án xét đến tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo; vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, các bị cáo đều thống nhất rủ nhau cùng đánh bạc được thua bằng tiền. Bị cáo C và L nhân thân đã từng 04 lần bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng cho thấy các bị cáo không chịu cải tạo lao động, chưa có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo; đồng thời để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Bị cáo H phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, xét thấy không cần phải bắt bị cáo H chấp hành hình phạt tù mà cho được hưởng án treo, là đủ để giáo dục, cải tạo. Bị cáo V có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú và gia đình quản lý là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo V khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định là 4.000.000 đồng/tháng; phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương, cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, cần phạt tiền bị cáo C, H, L mỗi bị cáo 10.000.000 đồng là phù hợp. Đối với bị cáo V bị khấu trừ một phần thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Về xử lý vật chứng: Số tiền 13.600.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc và số tiền 50.000 đồng của bị cáo L bỏ ra để mua thuốc nước phục vụ việc đánh bạc; cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước. 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân là công cụ, phương tiện phạm tội; cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 7.300.000 đồng của bị cáo V, số tiền 330.000 đồng của bị cáo L cần trả lại các bị

cáo vì không có cơ sở xác định dùng vào việc phạm tội; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 35, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 18 (mười tám) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2023.

+ Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức C 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 35, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Đình L 18 (mười tám) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2023.

+ Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Đình L 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 35, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Vũ Huy H 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Phạt bổ sung bị cáo Vũ Huy H 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Huy H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

"Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo

tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất C trong thời gian thử thách".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đình V 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ (từ ngày 03/02/2023 đến ngày 09/02/2023) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Vũ Đình V với thời gian 18 tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Giao bị cáo Vũ Đình V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng để giám sát và giáo dục.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Vũ Đình V tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án.

Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ không được xuất C trong thời gian chấp hành án.

- Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Vũ Đình V, Vũ Huy H kể từ ngày tuyên án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.650.000đ (mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) (theo Lệnh thanh toán ngày 16/02/2023 và ngày 26/5/2023 của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện K, Hải Phòng)

+ Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Trả lại cho bị cáo V số tiền 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng), trả lại bị cáo L số tiền 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng) (theo lệnh thanh toán ngày 26/5/2023 của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện K, Hải Phòng); nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Phòng PV06 + PC10 Công A1 Phòng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp;
- Ủy ban nhân dân xã T, xã Quang Phục; phường Thượng Lý;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngà